

DẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 29.6.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 3 - LE 4.12

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H32517850200000001	HOANG PHAM HUONG GIANG	女	2008-07-27	012308006342	LE 4.12	
2	H32517850200000002	NGHIEM NHU QUYNH	女	2008-09-14	012308003323	LE 4.12	
3	H32517850200000003	LE THI THU UYEN	女	1999-08-15	024199000081	LE 4.12	
4	H32517850200000004	DO VAN DUC	男	2005-01-09	027205011606	LE 4.12	
5	H32517850200000005	PHAN NGUYEN HOANG NAM	男	2008-03-11	022208005139	LE 4.12	
6	H32517850200000006	DINH THI THUY DUNG	女	2003-08-21	025303003329	LE 4.12	
7	H32517850200000007	NGUYEN PHUONG CHI	女	2003-11-12	001303021218	LE 4.12	
8	H32517850200000008	DINH HUYEN TRANG	女	2008-03-18	001308049451	LE 4.12	
9	H32517850200000009	LAI QUOC CUONG	男	2000-06-30	024200005308	LE 4.12	
10	H32517850200000010	NGUYEN KHANH LINH	女	2000-08-19	031300002202	LE 4.12	
11	H32517850200000011	NGUYEN DIEM PHUNG	女	2001-09-18	025301007784	LE 4.12	
12	H32517850200000012	DUONG THU HA	女	2003-11-03	019303006449	LE 4.12	
13	H32517850200000013	DO DUC TAI	男	2000-12-13	027200009202	LE 4.12	
14	H32517850200000014	NGUYEN THI TRANG	女	2003-05-05	027303010568	LE 4.12	
15	H32517850200000015	LE VIET HOAN	男	2007-11-04	E03555899	LE 4.12	
16	H32517850200000016	TRAN THI PHUONG THAO	女	2003-10-30	019303000051	LE 4.12	
17	H32517850200000017	CAO KHANH LY	女	2003-02-20	025303008933	LE 4.12	
18	H32517850200000018	TA THI DUYEN ANH	女	2008-01-12	001308047871	LE 4.12	
19	H32517850200000019	NGUYEN THI THU HUYEN	女	2001-01-23	026301002699	LE 4.12	
20	H32517850200000020	VU HA MI	女	2001-08-15	024301002053	LE 4.12	
21	H32517850200000021	NGUYEN THANH LOC	男	2002-07-04	024202004732	LE 4.12	
22	H32517850200000022	NGUYEN THU TRANG	女	2003-05-14	001303012378	LE 4.12	
23	H32517850200000023	NGUYEN VAN DUNG	男	2002-02-11	024202013978	LE 4.12	
24	H32517850200000024	NGUYEN HAI YEN	女	2011-09-21	019311003462	LE 4.12	
25	H32517850200000025	NGUYEN TRAN PHI LE	女	2003-10-13	038303011938	LE 4.12	
26	H32517850200000026	LE THI HANG NGA	女	2005-11-16	040305024539	LE 4.12	
27	H32517850200000027	NGUYEN HUONG GIANG	女	2008-06-10	027308009203	LE 4.12	
28	H32517850200000028	NGUYEN THU HA	女	2009-09-08	024309010231	LE 4.12	
29	H32517850200000029	NGUYEN HA VY	女	2009-05-28	024309010530	LE 4.12	
30	H32517850200000030	HOANG KHANH LINH	女	2009-06-05	024309013652	LE 4.12	
31	H32517850200000031	DUONG THUY LINH	女	2008-07-27	026308001421	LE 4.12	
32	H32517850200000032	NGUYEN THI UYEN TRANG	女	2008-02-05	026308004371	LE 4.12	
33	H32517850200000033	NGUYEN DUY TOAN	男	2008-10-07	026208006418	LE 4.12	
34	H32517850200000034	CAO KIM CHI	女	2008-09-18	026308008526	LE 4.12	
35	H32517850200000035	PHAM NGOC BAO TRAM	女	2008-05-22	026308001179	LE 4.12	
36	H32517850200000036	NGUYEN THI KHANH LY	女	2008-11-05	026308004687	LE 4.12	
37	H32517850200000037	NGUYEN NGOC DIEP	女	2008-12-02	026308003042	LE 4.12	

DẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 29.6.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 3 - LE 4.14

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H32517850200000038	NGUYEN LE MINH ANH	女	2000-03-25	048300005069	LE 4.14	
2	H32517850200000039	PHAM THI TO UYEN	女	2003-01-01	038303008795	LE 4.14	
3	H32517850200000040	VUONG THI VIET HOAN	女	2003-08-04	040303010792	LE 4.14	
4	H32517850200000041	LUONG MINH PHUONG	女	2003-01-24	015303004969	LE 4.14	
5	H32517850200000042	LE THI THANH THUY	女	1990-10-05	034190016194	LE 4.14	
6	H32517850200000043	VU TRUNG KIEN	男	1986-05-23	027086012379	LE 4.14	
7	H32517850200000044	HOANG NGOC HANH CHI	女	2009-10-04	001309055474	LE 4.14	
8	H32517850200000045	TRAN AN	男	2009-03-25	001209034762	LE 4.14	
9	H32517850200000046	NGUYEN BA QUANG	男	2009-12-26	001209051929	LE 4.14	
10	H32517850200000047	THAN BAO PHUONG	女	2011-04-29	024311010929	LE 4.14	
11	H32517850200000048	THAN VIEN VIEN	女	2011-01-08	024311005870	LE 4.14	
12	H32517850200000049	ON THI THANH THAO	女	2003-10-05	026303003089	LE 4.14	
13	H32517850200000050	LE QUANG TRUONG	男	2001-03-05	038201016441	LE 4.14	
14	H32517850200000051	NGUYEN QUYNH ANH	女	2003-08-14	035303000328	LE 4.14	
15	H32517850200000052	DO THI THUY DUNG	女	2003-05-16	024303010764	LE 4.14	
16	H32517850200000053	NGUYEN NGOC PHUONG ANH	女	2003-11-16	030303008541	LE 4.14	
17	H32517850200000054	HOANG MINH NGOC	女	2003-12-04	011303001422	LE 4.14	
18	H32517850200000055	PHAM THI HAI YEN	女	2008-11-24	026308004480	LE 4.14	
19	H32517850200000056	DANG THU TRA	女	2003-11-02	020303000566	LE 4.14	
20	H32517850200000057	NGUYEN THI THUONG	女	1997-12-14	026197004685	LE 4.14	
21	H32517850200000058	LE KHAC QUANG MINH	男	2009-09-04	001209054173	LE 4.14	
22	H32517850200000059	DUONG THI NGOC	女	2004-03-31	019304004806	LE 4.14	
23	H32517850200000060	NGUYEN THI THU HIEN	女	2001-08-10	024301004597	LE 4.14	
24	H32517850200000061	TRAN HONG THAM	女	2001-02-26	033301000319	LE 4.14	
25	H32517850200000062	VU TU ANH	女	2009-08-25	001309000859	LE 4.14	
26	H32517850200000063	LE TRA MY	女	2009-10-16	110309047210	LE 4.14	
27	H32517850200000064	NGO THANH HANG	女	2010-06-07	019310005221	LE 4.14	
28	H32517850200000065	LE HAI ANH	女	2003-10-25	019303001018	LE 4.14	
29	H32517850200000066	MAI THI THU AN	女	2006-05-28	074306001582	LE 4.14	
30	H32517850200000067	PHAN CAO VY	男	1999-09-11	079099036496	LE 4.14	
31	H32517850200000068	NGUYEN THI LAN ANH	女	2004-09-05	064304003051	LE 4.14	
32	H32517850200000069	PHAM HUYEN TRAN	女	2004-08-01	052304003086	LE 4.14	
33	H32517850200000070	TRINH HOANG KHANH NHA	女	2001-12-04	075301001915	LE 4.14	
34	H32517850200000071	VU TRAN HANH DUYEN	女	2003-07-21	070303005945	LE 4.14	
35	H32517850200000072	VU HUU BAO LAM	男	1995-12-21	075095015290	LE 4.14	
36	H32517850200000073	LE THAO PHUONG	女	2008-03-11	024308003285	LE 4.14	
37	H32517850200000074	THAN VU MINH NGOC	男	2008-02-07	024208013865	LE 4.14	
38	H32517850200000075	NGUYEN HIEN THAO LINH	女	2001-08-08	096301007122	LE 4.14	



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 29.6.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 3 - LE 4.16

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H32517850200000076	VAN THI DOAN TRANG	女	1999-04-12	033199002458	LE 4.16	
2	H32517850200000077	NGUYEN THI VAN ANH	女	2003-10-13	026303002420	LE 4.16	
3	H32517850200000078	HA HAI YEN	女	2006-08-28	038306004105	LE 4.16	
4	H32517850200000079	BUI YEN NHI	女	2008-04-16	010308005868	LE 4.16	
5	H32517850200000080	PHUNG THU NHAN	女	2004-09-15	033304000423	LE 4.16	
6	H32517850200000081	PHAM THANH THAO	女	2004-03-18	008304005523	LE 4.16	
7	H32517850200000082	HOANG THI OANH	女	1999-01-02	020199005220	LE 4.16	
8	H32517850200000083	BE KIEU NGAN	女	2008-06-18	020308002437	LE 4.16	
9	H32517850200000084	NONG THU NGOC	女	2008-11-21	020308006527	LE 4.16	
10	H32517850200000085	HA THUY ANH	女	2003-03-24	030303005899	LE 4.16	
11	H32517850200000086	PHAM TRUNG KIEN	男	1999-10-31	034099000526	LE 4.16	
12	H32517850200000087	HOANG THI HOA	女	2002-10-13	019302005110	LE 4.16	
13	H32517850200000088	LY THU HUYEN	女	1995-09-09	019195005318	LE 4.16	
14	H32517850200000089	HA THI HOA MAI	女	2003-08-13	010303008830	LE 4.16	
15	H32517850200000090	NGUYEN THI THANH TRUC	女	2003-10-06	024303001001	LE 4.16	
16	H32517850200000091	TRAN DUY VIEN	男	2004-10-20	024204009720	LE 4.16	
17	H32517850200000092	NGO MINH HIEU	男	2002-02-15	001202022221	LE 4.16	
18	H32517850200000093	HOANG THI MINH NGUYET	女	2004-01-25	031304006546	LE 4.16	
19	H32517850200000094	LE NHAT MAI	女	2002-08-29	020302006430	LE 4.16	
20	H32517850200000095	GIAP KHANH CHI	女	2008-02-06	024308007122	LE 4.16	



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 29.6.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 3 - IE 4.13

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H32517850200000096	LE THI DIEP	女	2000-06-22	038300000316	IE 4.13	
2	H32517850200000097	NGUYEN THI MAI HUONG	女	1995-11-21	034195006415	IE 4.13	
3	H32517850200000098	TRINH PHUONG UYEN	女	2003-04-15	040303021093	IE 4.13	
4	H32517850200000099	DO QUANG TUYEN	男	2003-10-31	036203013547	IE 4.13	
5	H32517850200000100	TRAN THI CAM TU	女	2003-10-16	035303000607	IE 4.13	
6	H32517850200000101	BUI NGUYEN TU QUYEN	女	2008-03-21	022308001805	IE 4.13	
7	H32517850200000102	THIEU QUANG MINH	男	2009-02-27	035209009220	IE 4.13	
8	H32517850200000103	THAN THI NHU Y	女	1999-06-18	087199013380	IE 4.13	
9	H32517850200000104	PHAM DUC KIEN	男	2009-02-22	001209001852	IE 4.13	
10	H32517850200000105	NGUYEN THI QUYEN	女	2008-03-06	024308007685	IE 4.13	
11	H32517850200000106	DAO THI HUYEN TRANG	女	2008-09-30	024308006507	IE 4.13	
12	H32517850200000107	DINH THI HUONG QUYNH	女	2003-04-01	014303004851	IE 4.13	
13	H32517850200000108	NGUYEN QUANG HUY	男	2008-11-05	024208013158	IE 4.13	
14	H32517850200000109	NGUYEN HOAI VAN DUONG	女	2008-12-04	024308001121	IE 4.13	
15	H32517850200000110	HA HOAI PHUONG	女	2008-02-20	0243008012940	IE 4.13	
16	H32517850200000111	NGUYEN HONG HANH	女	2002-11-05	036302012976	IE 4.13	
17	H32517850200000112	TRINH THI HAI	女	1995-07-26	031195018243	IE 4.13	
18	H32517850200000113	NGUYEN TRAN HUY	男	2002-07-06	001202021427	IE 4.13	
19	H32517850200000114	HUYNH VAN NGOC	女	2003-12-03	091303012209	IE 4.13	
20	H32517850200000115	TRAN THAO MY	女	2008-09-17	040308011839	IE 4.13	
21	H32517850200000116	TRIEU THI MAI	女	1992-09-22	006192005073	IE 4.13	
22	H32517850200000117	NGUYEN THI HAI YEN	女	1990-12-04	027190011139	IE 4.13	
23	H32517850200000118	TRIEU THI TUOI	女	1997-12-22	004197000165	IE 4.13	
24	H32517850200000119	HOANG KHANH LINH	女	2003-10-18	024303005047	IE 4.13	
25	H32517850200000120	PHAN CHI MAI	女	2004-01-29	025304002656	IE 4.13	
26	H32517850200000121	NGUYEN KIM OANH	女	2008-06-18	026308000559	IE 4.13	
27	H32517850200000122	DANG THI QUYNH	女	2001-12-02	042301010968	IE 4.13	
28	H32517850200000123	TRAN THU THAO	女	2008-02-23	026308010576	IE 4.13	
29	H32517850200000124	NGUYEN THI LAN ANH	女	2011-08-03	001311018747	IE 4.13	
30	H32517850200000125	DANG THI NHU QUYNH	女	2003-01-12	010303007534	IE 4.13	
31	H32517850200000126	NGUYEN THI NHU QUYNH	女	2007-08-27	034307016554	IE 4.13	
32	H32517850200000127	NGUYEN TRA MY	女	2011-11-20	034311016400	IE 4.13	
33	H32517850200000128	PHUNG DUONG NGOC DIEP	女	2004-05-25	001304008668	IE 4.13	
34	H32517850200000129	DO KHANH LINH	女	2003-07-29	001303020305	IE 4.13	
35	H32517850200000130	TRAN MAI LINH	女	2003-10-21	019303007634	IE 4.13	
36	H32517850200000131	AU THI HONG THU	女	2001-08-09	019301006839	IE 4.13	
37	H32517850200000132	DANG VIET CUONG	男	2001-01-26	030201010285	IE 4.13	